

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS - ST
Ngày: 17/01/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Trần Thị Bình Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST- DS ngày 14/01/2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-DS ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 giữa :

- Nguyên đơn: 1) Công ty Cổ phần M .

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền B.

Người được ủy quyền lại: Đào Duy H - Chuyên viên xử lý nợ.

2) Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc TT THN KHDN và XLN pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Tất T2 - Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Chị Phan Thị T3, sinh năm 1984 và anh Trần Văn T4, sinh năm

1983

Địa chỉ: Thôn R, xã N (nay là xã N), huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M có mặt; đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T3 có mặt, anh T4 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Cổ phần M do người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Duy H trình bày:

Ngày 31/5/2024, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS và phụ lục Hợp đồng số 01. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng TMCP V đồng ý bán một phần các khoản nợ và Công ty Cổ phần M đồng ý mua một phần các khoản nợ của khách hàng vay là chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4, bao gồm khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 mà chị Phạm Thị T5 và anh Trần Văn T4 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V. Cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (tương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên hệ thống). Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/05/2022 (tương đương với số LD2214700668 trên hệ thống). Công ty M trở thành bên nhận bảo đảm cùng bên bán nợ với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán. Công ty Cổ phần M đã thanh toán khoản tiền mua nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Công ty Cổ phần M được quyền sở hữu các khoản nợ mà chị T5, anh T4 còn nợ tại Ngân hàng TMCP V. Sau khi nhận chuyển giao khoản nợ từ Ngân hàng TMCP V, Công ty Cổ phần M đã nhiều lần làm việc với chị T5 và anh T4 để yêu cầu chị T5 và anh T4 trả nợ cho Công ty nhưng anh T4, chị T5 không thu xếp trả nợ cho Công ty.

Nay Công ty Cổ phần M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty M các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 1.827.013.353 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 15.748.206 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm linh sáu đồng);

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 236.486.317 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty Cổ phần M

là: 2.079.247.877 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

2) Trong trường hợp chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M thì Công ty Cổ phần M được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ cho Công ty.

3) Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản vay cho Công ty, anh T4 và chị T3 còn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần MARS.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V do người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Tất T2 trình bày: Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 có vay vốn của Ngân hàng, theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: **Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (tương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên bảng kê).** Số tiền vay: **1,998,000,000 đồng** (Một tỷ chín trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.2%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. **Theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ” ngày 24/05/2022 (Tương đương với LD2214700668 ghi trên trên bảng kê):** Số tiền vay: 224,000,000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 25 tháng; Lãi suất trong hạn: Theo quy định của V1; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T6 đã trả được số tiền như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (tương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên bảng kê) đã trả được số tiền: **133,788,745 đồng**, trong đó trả gốc 0 đồng, trả lãi là: 133,788,745 đồng. Theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ” ngày 24/05/2022 (Tương đương với LD2214700668 ghi trên trên bảng kê) đã trả được số tiền: **246,921,382 đồng**, trong đó trả gốc 191,985,153 đồng, trả lãi: 54,936,229 đồng. Ngày 15/03/2024 chị T3 và anh T6 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với (các) hợp đồng và chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 15/03/2024 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ngày 31/05/2024 theo hợp đồng mua bán số 06/2024/VPB-MARS và phụ lục kèm theo, V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là

“Công ty M”) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V1 với bà Phan Thị T3 và ông Trần Văn T4, cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (trương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên hệ thống). Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/05/2022 (trương đương với số LD2214700668 trên hệ thống).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Tài Sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 18; địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CK 877192, số vào sổ cấp GCN: CS 010302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/03/2018. (Các) tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 4544 - Quyền số 01/2019-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2019 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tại Văn phòng C - địa chỉ: Số A, phố L, phường K, TP T, tỉnh Thái Bình. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. **Tài Sản 2:** Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 18; địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CK 877193, số vào sổ cấp GCN: CS 010303 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 12/03/2018. (Các) tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Nay Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 203.001.484 đồng (Hai trăm linh ba triệu không trăm không một nghìn bốn trăm tám mươi tư đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 1.749.801 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng);

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 26.276.257 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng TMCP V là 231.027.542 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

2) Trong trường hợp chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3) Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản vay cho Công ty, anh T4 và chị T3 còn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Bị đơn là anh Trần Văn T4 vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại phiên tòa bị đơn là chị Phan Thị T3 trình bày: Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 có vay vốn của Ngân hàng, cụ thể như sau: Ngày 05/11/2022 vay số tiền: 1,998,000,000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa. Tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay gồm hai tài sản theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng chị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/3/2018. Ngày 24/05/2022 chị có vay của Ngân hàng số tiền vay: 224,000,000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng trong gia đình. Anh T4 là chồng chị có biết việc Công ty M và Ngân hàng khởi kiện đòi nợ hai vợ chồng chị, quan điểm của anh cũng T4 đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, do anh T4 đi làm ăn không có nhà nên không đến Tòa án làm việc. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chị cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện khó khăn vợ chồng chị xin được trả nợ dần cho Ngân hàng và Công ty M, chị xin được miễn giảm lãi. Trong trường hợp phải phát mại tài sản để trả nợ, chị T3 đồng ý để Ngân hàng và Công ty M phát mại hai tài sản mà vợ chồng chị đã thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho cả hai khoản vay tại Ngân hàng. Vợ chồng chị không có đăng ký kinh doanh, hiện tại chị T3 đang làm công nhân, anh T4 đi làm tại Hải Phòng.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2024, Ủy ban nhân dân xã N, huyện T cung cấp như sau: Anh Trần Văn T4, sinh năm 1983 và chị Phan Thị T3, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh T4 đi làm ăn tại Hải Phòng, còn chị T3 làm công nhân ở trong huyện T. Về việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V với anh T4, chị T3. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Hải phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia phiên tòa. Bị đơn là chị T3 có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là anh T4 vắng mặt không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M và ngân hàng TMCP V. Buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc là: 1.827.013.353 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm năm

mười ba đồng); Tiền lãi trong hạn là: 15.748.206 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm linh sáu đồng); T7 lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 236.486.317 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng). Buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là: 203.001.484 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 1.749.801 đồng; Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 26.276.257 đồng.

Trường hợp chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 không trả được nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V thì Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ để thu hồi nợ.

Về án phí: Chị T3 và anh T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/05/2022 được ký kết giữa chị T3 và anh T4 với Ngân hàng TMCP V. Tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022, thể hiện mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa. Tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ” ngày 24/05/2022, mục đích vay là tiêu dùng. Tuy nhiên qua quá trình làm việc, Ngân hàng và chị T3 đều trình bày chị T3 và anh T4 không có đăng ký kinh doanh. Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2024, Phòng tài chính kế hoạch huyện T cung cấp thông tin anh Trần Văn T4 và chị Phan Thị T3 không có đăng ký kinh doanh. Do vậy, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải xác định quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Dân sự. Bị đơn là chị T3 và anh T4 cư trú tại xã N (nay là xã N), huyện T, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V với chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh T4 vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và bị đơn là anh T4.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Xét thấy, chị T3 và anh T4 có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo 02 Hợp đồng cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (tương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên bảng kê). Số tiền vay: 1,998,000,000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 01 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.2%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Ngày 08/11/2022, Ngân hàng giải ngân cho chị T3 và anh T4 số tiền 1.000.000.000 đồng và ngày Ngân hàng giải ngân cho chị T3 và anh T4 số tiền 998.000.000 đồng. Theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ” ngày 24/05/2022 (Tương đương với LD2214700668 ghi trên trên bảng kê): Số tiền vay: 224,000,000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 25 tháng; Lãi suất trong hạn: Theo quy định của V1; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Việc chị T3 và anh T4 ký kết hợp đồng cho vay với Ngân hàng TMCP V để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/05/2022 là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T6 đã trả được số tiền như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 đã trả được số tiền: **133,788,745 đồng**, trong đó trả gốc 0 đồng, trả lãi là: 133,788,745 đồng. Theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ” ngày 24/05/2022 đã trả được số tiền: **246,921,382 đồng**, trong đó trả gốc 191,985,153 đồng, trả lãi: 54,936,229 đồng. Ngày 15/03/2024 chị T3 và anh T6 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với (các) hợp đồng.

Ngày 31/5/2024, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS và phụ lục số 01. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng TMCP V đồng ý bán một phần các khoản

nợ và Công ty Cổ phần M đồng ý mua một phần các khoản nợ của khách hàng vay là chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4, bao gồm khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 mà chị Phạm Thị T5 và anh Trần Văn T4 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V. Cụ thể như sau: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 (tương đương với số LD2331300508, LD2314400186 trên hệ thống). Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/05/2022 (tương đương với số LD2214700668 trên hệ thống). Công ty M trở thành bên nhận bảo đảm cùng bên bán nợ với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán. Công ty Cổ phần M đã thanh toán khoản tiền mua nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Công ty Cổ phần M1 được quyền sở hữu 90% các khoản nợ mà chị T5 và anh T4 còn nợ tại Ngân hàng TMCP V theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng TMCP V được quyền sở hữu 10% các khoản nợ mà chị T5 và anh T4 còn nợ tại Ngân hàng TMCP V theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Chị T5 và anh T4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng cho vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M và ngân hàng TMCP V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ gốc là: 1.827.013.353 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng); Tiền lãi trong hạn là: 15.748.206 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm linh sáu đồng); T7 lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 236.486.317 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng). Buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là: 203.001.484 đồng; Tiền lãi trong hạn là: 1.749.801 đồng; Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 26.276.257 đồng.

2.2. Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V về việc đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng.

Xét thấy, để đảm bảo cho khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2210317268202 ngày 05/11/2022 thì chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị T3, anh T4 gồm: Diện tích đất 92,3 m² tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 18 tại Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 877192, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010302 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/3/2018 mang tên anh

Trần Văn T4 và chị Phan Thị T3, tài sản trên đất gồm nhà ở một tầng, diện tích 90m². Diện tích 82,9m² tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 18 tại Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 877193, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/3/2018 mang tên anh Trần Văn T4 và chị Phan Thị T3.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2024, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 18, diện tích là 92,3m², đất ở nông thôn. Đất được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2018 mang tên anh Trần Văn T4 và chị Phan Thị T3. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa 383; Tây giáp đường giao thông thôn; Nam giáp đường giao thông ĐH 35; Bắc giáp thửa 381. Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà mái bằng và công trình phụ khép kín. Tài sản thứ hai gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 18, diện tích là 82,9m², đất ở nông thôn. Đất được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2018 mang tên anh Trần Văn T4 và chị Phan Thị T3. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa 270; Tây giáp thửa 382; Nam giáp đường giao thông ĐH 35; Bắc giáp thửa 381. Tài sản trên đất có 01 lán tôn. Qua xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp không có biến động trong quá trình sử dụng.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa chị T3, anh T4 với Ngân hàng TMCP V là tự nguyện, hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh T4, chị T3, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 có hiệu lực pháp luật. Tại hai Hợp đồng thế chấp có quy định tài sản thế chấp được đảm bảo cho tất cả các khoản vay của anh T4, chị T3 tại Ngân hàng TMCP V. Vì vậy Khi đến hạn trả nợ theo Hợp đồng, chị T3, anh T4 đã không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng, được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trong Hợp đồng mua bán nợ ngày 31/5/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M có thỏa thuận: “ Các bên thống nhất bổ sung bên mua nợ trở thành bên nhận bảo đảm cùng bên bán nợ với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán. Theo đó, bên mua nợ cũng được hưởng các quyền và lợi ích gắn liền với các tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của khoản nợ mua bán như bên bán nợ”. Vì vậy, yêu cầu của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty M2 nợ Galaxy được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Công ty M2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền chị T3 và anh T4 phải trả cho Công ty Cổ phần M là 2.079.247.877 đồng như sau: (72.000.000đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng) = 73.584.957 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi tư nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng). Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền 231.027.542 đồng mà chị T3 và anh T4 phải trả cho Ngân hàng TMCP V là 11.551.377 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng). Tổng số tiền án phí anh T4 và chị T3 phải chịu là 85.136.334 đồng (Tám mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tư đồng). Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299, Điều 318, Điều 323, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 điều 8, khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M về việc buộc Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty M MARS các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 1.827.013.353 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 15.748.206 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm linh sáu đồng);

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 236.486.317 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Công ty Cổ phần M là: 2.079.247.877 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc buộc chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 203.001.484 đồng (Hai trăm linh ba triệu không trăm không một nghìn bốn trăm tám mươi tư đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 1.749.801 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng);

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 là: 26.276.257 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 17/01/2025 chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải trả cho Ngân hàng TMCP V là 231.027.542 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 không trả nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V thì Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện T kê biên, phát mại tài sản thế chấp của chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4544 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng thế chấp số 4894 ngày 19/5/2022 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng.

4. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V thì yêu cầu chị T3 và anh T4 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí: Chị Phan Thị T3 và anh Trần Văn T4 phải chịu tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 85.136.334 đồng (T8 mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi tư đồng).

Trả lại Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 37.547.359.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0002789 ngày 14/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2025).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Chu Thị Linh

